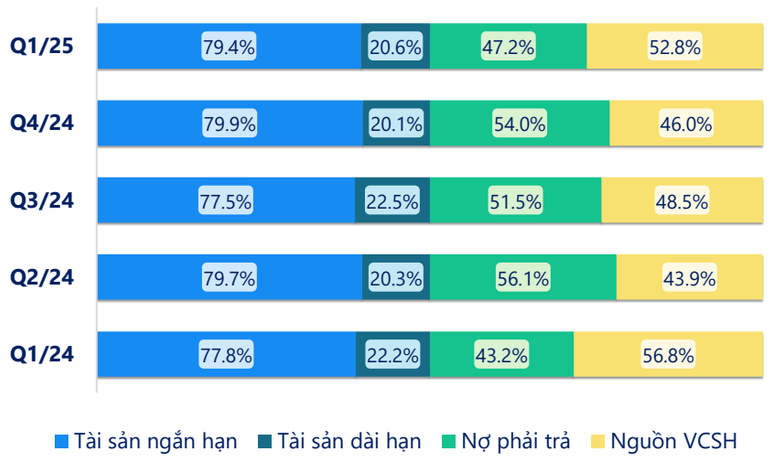
FireAnt

CTCP Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (UPCOM: SKV)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	31,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	44,168
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	30,500
SL cổ phiếu LH	23,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,555
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	725
P/E	11.3
EPS	2,781

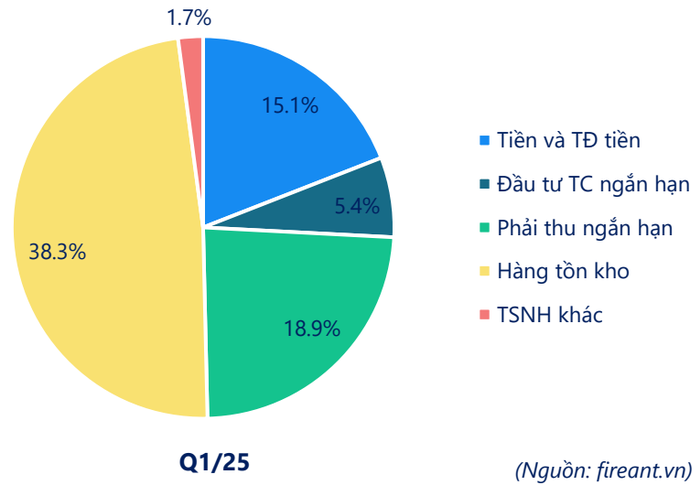
	YTD	1T	3T	6T
SKV	-0.6%	-1.6%	-5.1%	-10.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



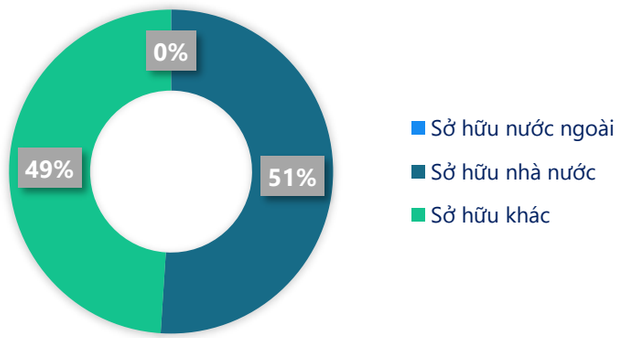
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



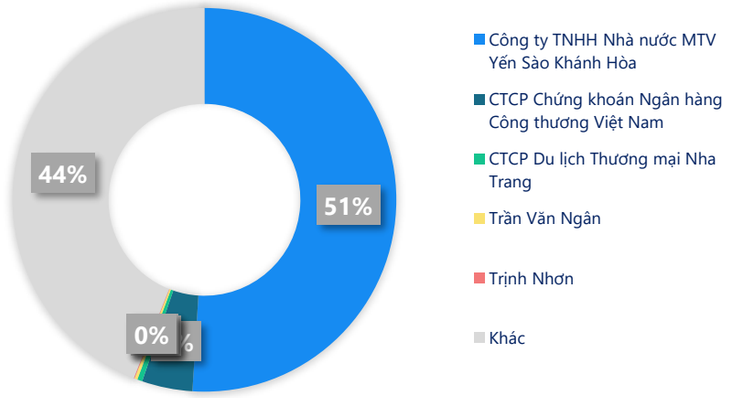
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



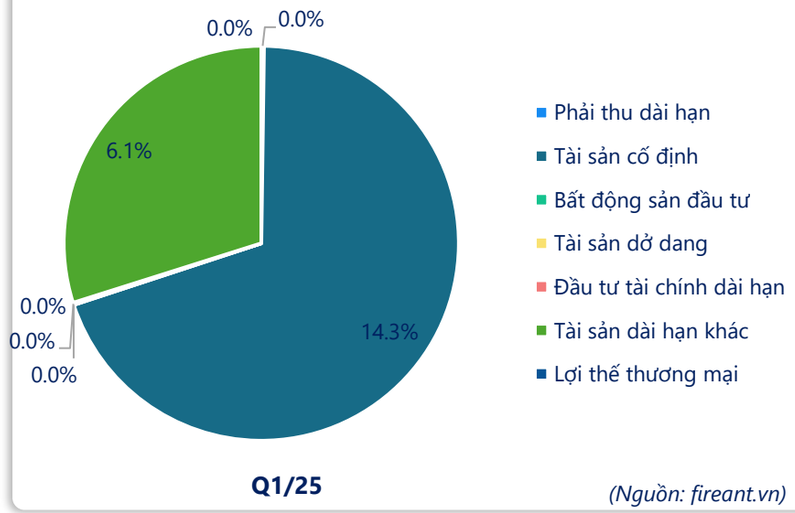
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

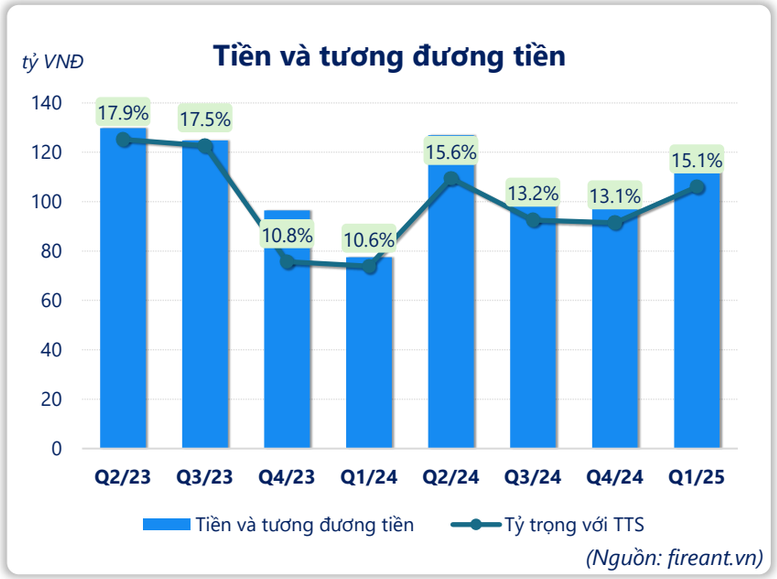
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



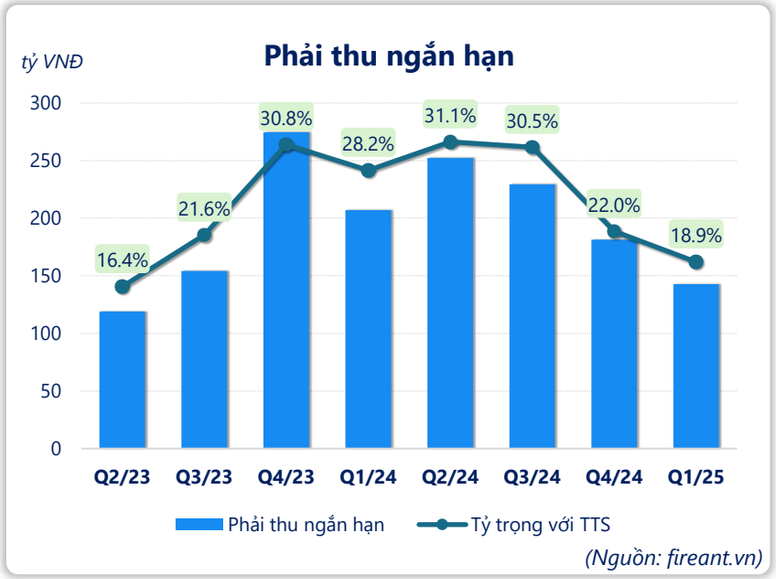
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

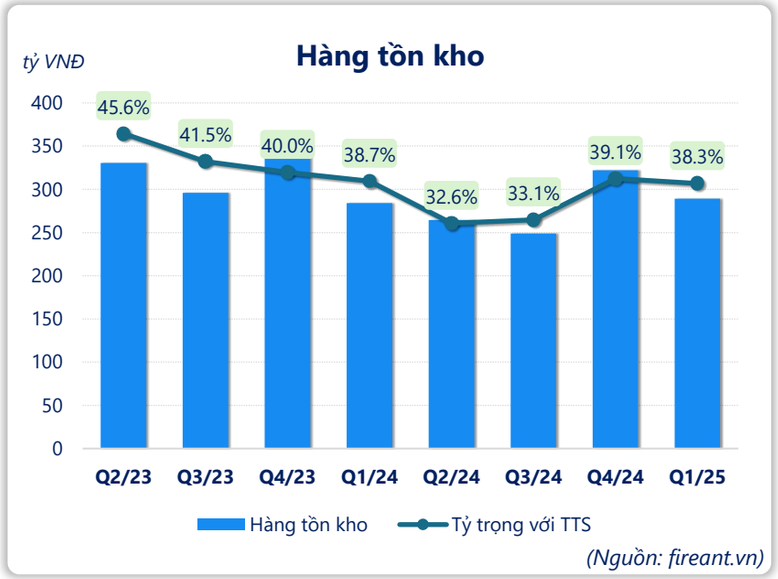
CTCP Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (UPCOM: SKV)



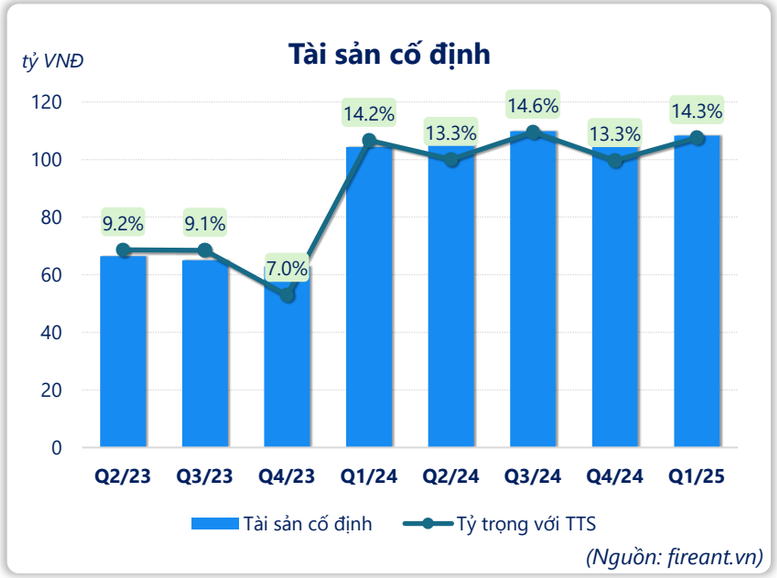
(Nguồn: fireant.vn)



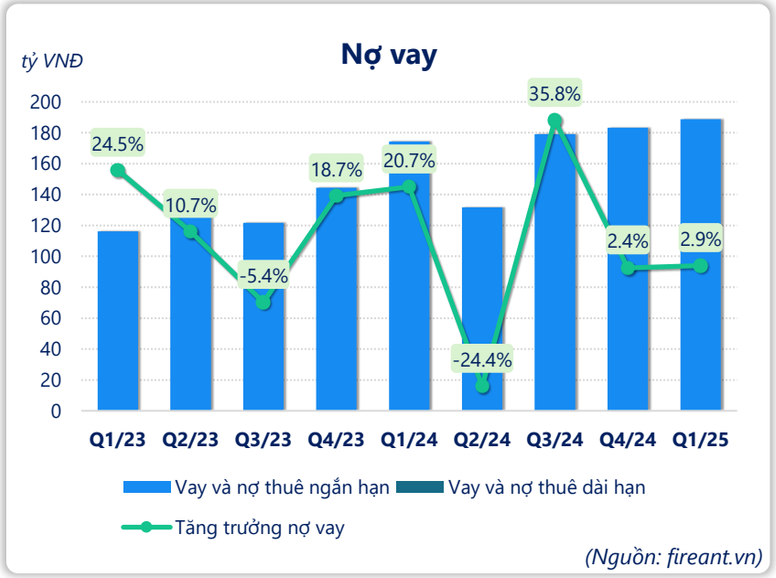
(Nguồn: fireant.vn)



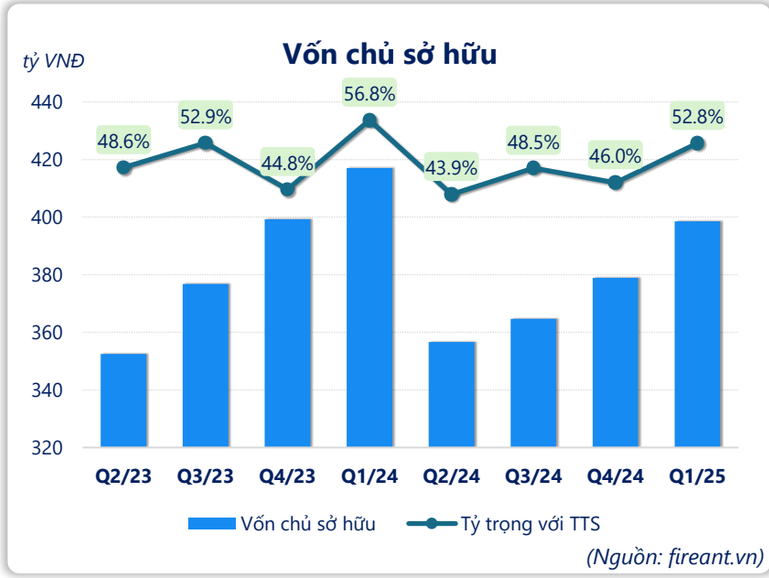
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



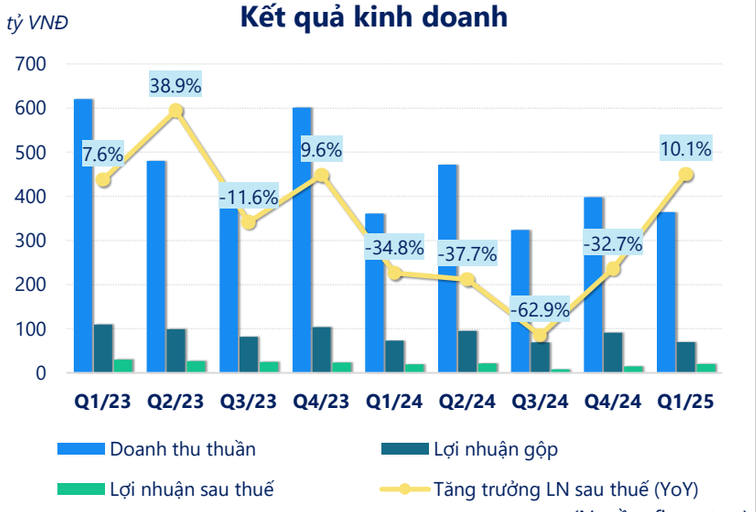
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

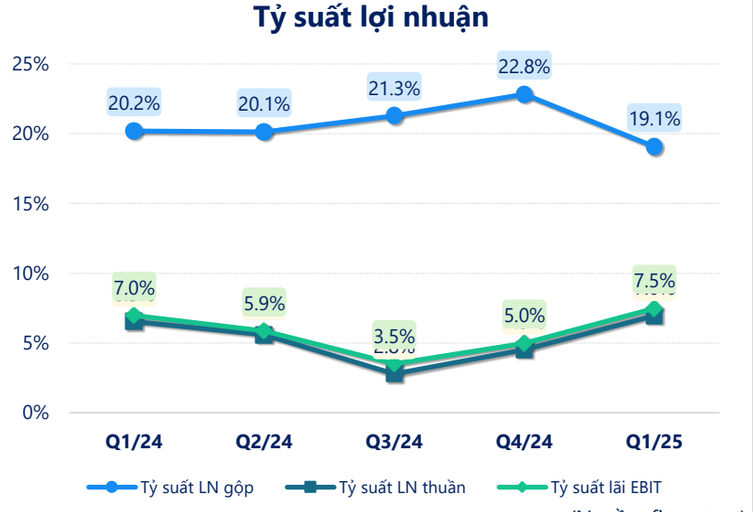
CTCP Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (UPCOM: SKV)

Kết quả kinh doanh



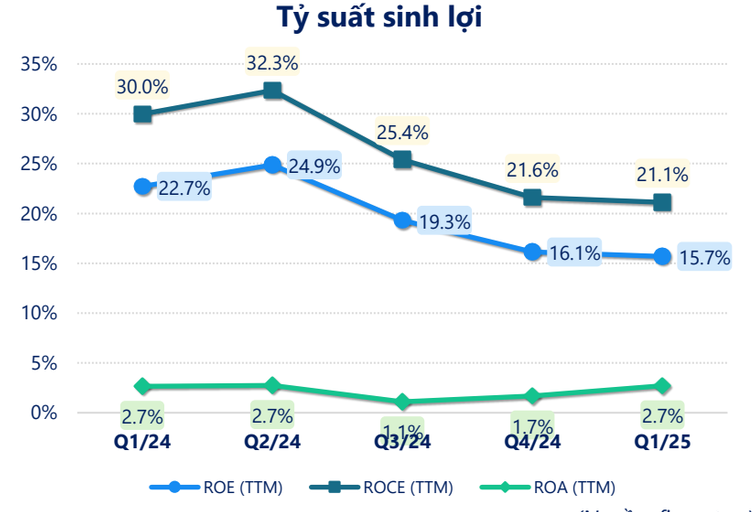
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



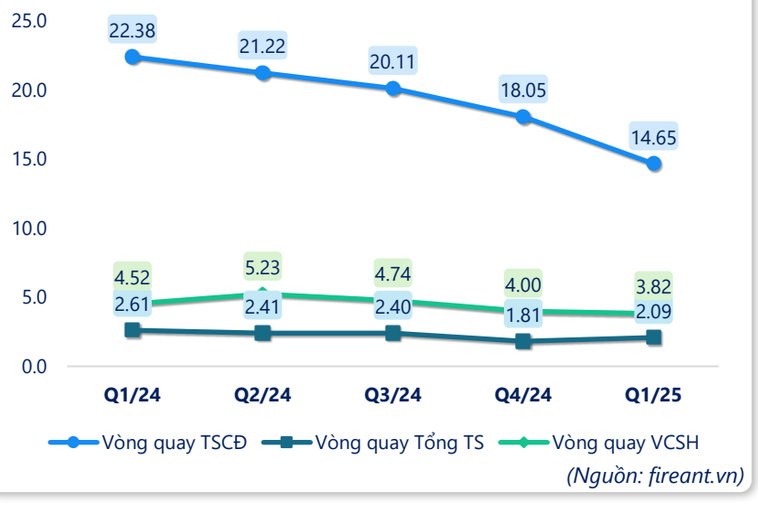
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



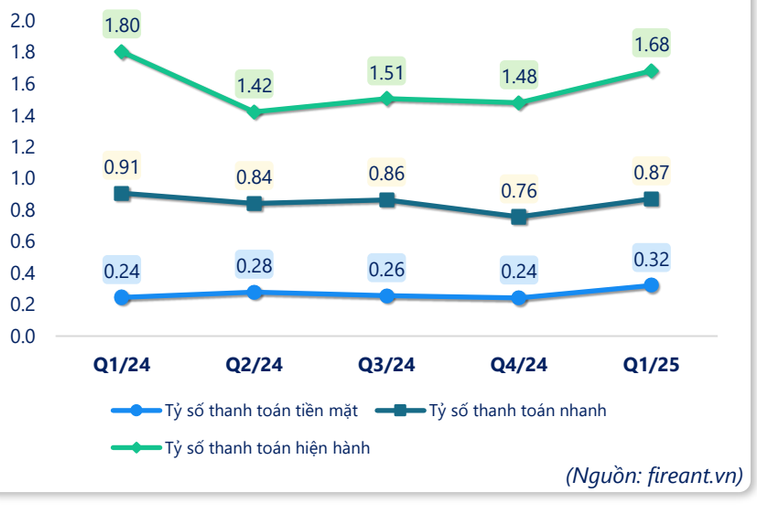
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



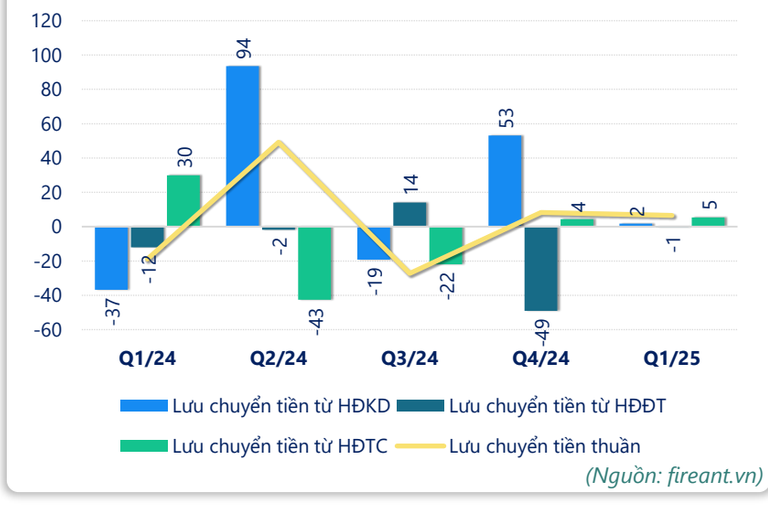
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (UPCOM: SKV)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**755**	**823**	**-8.3%**
Tài sản ngắn hạn	599	659	-9.0%
Tiền và tương đương tiền	114	108	6.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.5	39.6	2.2%
Phải thu ngắn hạn	143	181	-21.3%
Hàng tồn kho	289	322	-10.1%
Tài sản ngắn hạn khác	12.6	8.24	52.9%
Tài sản dài hạn	**155**	**164**	**-5.4%**
Phải thu dài hạn	0.34	0.34	0.0%
Tài sản cố định	108	113	-4.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.28	0.23	20.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**46.4**	**50.7**	**-8.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	356	444	-19.9%
Nợ ngắn hạn	**356**	**444**	**-19.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	189	183	2.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	115	166	-30.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**398**	**379**	**5.3%**
Vốn chủ sở hữu	**398**	**379**	**5.3%**
Vốn điều lệ	230	230	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.00**	**0.00**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	361	471	324	398	364
Giá vốn hàng bán	288	377	255	307	295
Lợi nhuận gộp	72.9	94.9	69.0	90.8	69.5
Doanh thu HĐTC	0.30	0.48	0.57	1.22	0.44
Chi phí TC	2.15	1.13	1.13	1.81	1.92
Chi phí lãi vay	1.42	1.13	1.06	1.41	1.82
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	30.0	49.2	44.4	52.6	27.0
Chi phí QLDN	17.5	18.6	15.0	19.6	15.6
LN thuần từ HĐKD	23.6	26.4	9.04	18.0	25.4
Lợi nhuận khác	0.18	0.11	1.27	0.42	0.08
LN trước thuế	23.8	26.5	10.3	18.4	25.4
Lợi nhuận sau thuế	19.0	21.1	8.08	14.6	20.2
LNST của CĐ cty mẹ	19.0	21.1	8.08	14.6	20.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-36.8	93.5	-19.3	53.1	1.79
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.0	-1.77	14.0	-49.1	-0.53
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	30.0	-42.6	-22.0	4.31	5.35
Tiền đầu kỳ	96.4	77.5	127	99.4	108
Lưu chuyển tiền thuần	**-18.9**	**49.2**	**-27.3**	**8.24**	**6.61**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.23	-0.23	0	0
Tiền cuối kỳ	77.5	127	99.4	108	114

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic